

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 7- 2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương M - sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn D - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt chị M, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương M trình bày: Chị và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2012 ngày 02 tháng 8 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bạo lực gia đình. Chị phải lo kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Anh D không giúp đỡ được bao nhiêu, còn thường xuyên uống rượu và kiếm chuyện để gây gỗ đánh đập chị thậm tệ, có lần đánh chị ngất xỉu. Hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần để vợ chồng quay lại nuôi dạy con cái nhưng anh D vẫn cứng đầu, không chịu sửa chữa. Từ ngày 27 tháng 01 năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Thị Linh N sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lê Văn Quốc B sinh ngày 31/7/2017. Hiện nay, cháu Linh N đang ở cùng với anh D và ông bà nội, cháu Quốc B đang ở cùng với chị và ông bà ngoại. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển tốt, không bị đánh đập, bạo hành. Chị có nguyện vọng nuôi cháu Quốc B. Chị đang làm việc tại Công ty TNHH Giày S Việt Nam, địa chỉ tại Khu công nghiệp L, phường Q, thành phố T, hàng tháng chị có thu nhập trung bình 8.000.000đ/tháng. Chị có khả năng về kinh tế và sức khỏe để nuôi con. Chị nuôi một cháu và anh D nuôi một cháu nên không yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Bản tự khai ngày 19/3/2021, bị đơn là anh Lê Văn D trình bày và đề nghị: Anh và chị M xây dựng gia đình với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã A cấp năm 2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có phát sinh mâu thuẫn. Trong lúc nóng giận, anh có tát tai chị M. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trường hợp chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Thị Linh N sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lê Văn Quốc B sinh ngày 31/7/2017. Anh có nguyện vọng được nuôi một cháu, cháu nào cũng được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/3/2021, cháu Lê Thị Linh N có nguyện vọng được ở với anh D. Vì cháu thương bố và ông bà nội chăm sóc cháu từ nhỏ.

Biên bản xác minh ngày 27/04/2021 tại UBND xã N, huyện T thể hiện: Anh Lê Văn D và chị Nguyễn Thị Phương M kết hôn năm 2012. Sau khi kết hôn chị M và anh D sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân. Anh D ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn X, xã N, còn chị M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chị M và anh D có 02 con chung, cháu là Lê Thị Linh N sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lê Văn Quốc B sinh ngày 31/7/2017. Hiện nay, cháu Linh N đang ở cùng với anh D, cháu Quốc B đang ở cùng với chị M, các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt không bị bạo lực gia đình. Chị M và anh D đều có sức khỏe tốt, đều có công việc và thu nhập. Chị M và anh D không có vi phạm pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56,81,82 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị được ly hôn anh D. Về con chung

giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Linh N, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn Quốc B. Về tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xét. Về án phí: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị M khởi kiện xin ly hôn anh D cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng tại phiên tòa thứ nhất bị đơn vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh D vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Gia đình hai bên đã giàn xếp hòa giải không thành. Anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con nhưng anh D không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị M vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị được ly hôn anh D.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Thị Linh N sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lê Văn Quốc B sinh ngày 31/7/2017. Hiện nay, chị M đang làm công nhân ở Thanh Hóa, mức thu nhập ổn định, có sức khỏe để nuôi dạy con. Anh D có nguyện vọng nuôi dưỡng một cháu, nguyện vọng của cháu Linh N muốn ở với bố nên giao cháu Linh N cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Quốc B dưới 36 tháng tuổi giao cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu một trong hai bên không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương M được ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung: Cháu Lê Thị Linh N sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lê Văn Quốc B sinh ngày 31/7/2017. Giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quốc B. Giao cho anh Duy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Linh N. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2019/0013478 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị M đã nộp án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

